

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án Quy hoạch hệ thống
các trạm bơm điện vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh
đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 24 tháng 03 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1397/QĐ-TTg ngày 25 tháng 9 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thủy lợi đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2012 - 2020 và định hướng đến năm 2050 trong điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng;

Căn cứ Quyết định số 2232/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán Quy hoạch hệ thống các trạm bơm điện vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050;

Xét Tờ trình số 117/TTr-SNN ngày 22 tháng 4 năm 2014 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt dự án Quy hoạch hệ thống các trạm bơm điện vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo số 01/BC-HĐTĐ ngày 21 tháng 4 năm 2014 của Hội đồng thẩm định các dự án quy hoạch ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch hệ thống các trạm bơm điện vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm phát triển:

- Phát triển bền vững, khai thác sử dụng phải đi đôi với bảo vệ tài nguyên nước;
- Phục vụ đa mục tiêu;
- Giảm nhẹ thiên tai và giảm nghèo nhằm nâng cao đời sống của nhân dân;
- Góp phần xây dựng nông thôn mới.

2. Mục tiêu:

a) Mục tiêu chung: Quy hoạch hệ thống các trạm bơm điện trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050 để từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống trạm bơm điện, chủ động tưới cho sản xuất nông nghiệp ở các khu vực trũng giống có địa hình cao (cao trình mặt đất tự nhiên trên +0,8), ổn định sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân, góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng nông thôn mới theo các tiêu chí quy định và phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của vùng đồng bằng sông Cửu Long trong điều kiện biến đổi khí hậu - nước biển dâng.

b) Mục tiêu cụ thể: Quy hoạch hệ thống các trạm bơm điện vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050, chủ động tưới tiêu cho 3.450 ha diện tích đất sản xuất nông nghiệp ở các khu vực trũng giống có địa hình cao.

3. Quy mô dự án.

a) Giai đoạn đến 2020: Vốn đầu tư: 102,929 tỷ đồng.

- Huyện Tiểu Cần:

+ Trạm bơm Trinh Phụ - Phú Tân: Diện tích phục vụ 180 ha; tổng chiều dài kênh dẫn (L) 12,96 km; 02 máy bơm; lưu lượng bơm ($Q_{bơm}$) 0,22 m³/s; lưu lượng bơm thiết kế (Q_{TK}) 1.400 m³/h; cột nước thiết (H_{TK}) 2,37 m;

+ Trạm bơm Ô Đùng: Diện tích phục vụ 180 ha; tổng chiều dài kênh dẫn 12,96 km; 02 máy bơm; lưu lượng bơm 0,22 m³/s; lưu lượng bơm thiết kế 1.400 m³/h; cột nước thiết 2,37 m.

- Huyện Trà Cú:

+ Trạm bơm áp Tha La, Giồng Cao: Diện tích phục vụ 200 ha; tổng chiều dài kênh dẫn 14,4 km; 02 máy bơm; lưu lượng bơm 0,24 m³/s; lưu lượng bơm thiết kế 1.520 m³/h; cột nước thiết 3,32 m;

+ Trạm bơm áp Sa Dân A, B: Diện tích phục vụ 150 ha; tổng chiều dài kênh dẫn 10,8 km; 02 máy bơm; lưu lượng bơm 0,23 m³/s; lưu lượng bơm thiết kế 1.400 m³/h; cột nước thiết 2,89 m;

+ Trạm bơm áp Đôn Chuộm, chợ: Diện tích phục vụ 200 ha; tổng chiều dài kênh dẫn 14,4 km; 02 máy bơm; lưu lượng bơm 0,22 m³/s; lưu lượng bơm thiết kế 1.400 m³/h; cột nước thiết 2,64 m.

- Huyện Cầu Kè: Trạm bơm áp Rùm Sóc: Diện tích phục vụ 300 ha; tổng chiều dài kênh dẫn 21,6 km; 02 máy bơm; lưu lượng bơm 0,37 m³/s; lưu lượng bơm thiết kế 1.400 m³/h; cột nước thiết 2,15 m.

b) Giai đoạn 2020 - 2050: Vốn đầu tư 188,202 tỷ đồng. ✓

- Huyện Tiểu Cần: Trạm bơm Phú Tân: Diện tích phục vụ 180 ha; tổng chiều dài kênh dẫn 12,96 km; 02 máy bơm; lưu lượng bơm 0,22 m³/s; lưu lượng bơm thiết kế 1.400 m³/h; cột nước thiết 2,37 m.

- Huyện Châu Thành:

+ Trạm bơm Triều 1: Diện tích phục vụ 180 ha; tổng chiều dài kênh dẫn 12,96 km; 01 máy bơm; lưu lượng bơm 0,12 m³/s; lưu lượng bơm thiết kế 700 m³/h; cột nước thiết 2,63 m;

+ Trạm bơm Hương Phụ: Diện tích phục vụ 180 ha; tổng chiều dài kênh dẫn 12,96 km; 02 máy bơm; lưu lượng bơm 0,22 (m³/s); lưu lượng bơm thiết kế 1.400 m³/h; cột nước thiết 2,94 m.

- Huyện Trà Cú:

+ Trạm bơm áp Giồng Tranh A: Diện tích phục vụ 200 ha; tổng chiều dài kênh dẫn 14,4 km; 01 máy bơm; lưu lượng bơm 0,13 m³/s; lưu lượng bơm thiết kế 700 m³/h; cột nước thiết 2,62 m;

+ Trạm bơm áp Bến Nở - Chông Bát: Diện tích phục vụ 200 ha; tổng chiều dài kênh dẫn 14,4 km; 02 máy bơm; lưu lượng bơm 0,24 m³/s; lưu lượng bơm thiết kế 1.400 m³/h; cột nước thiết 2,25 m;

+ Trạm bơm áp Cây Da Trà Kha: Diện tích phục vụ 100 ha; tổng chiều dài kênh dẫn 7,2 km; 01 máy bơm; lưu lượng bơm 0,11 m³/s; lưu lượng bơm thiết kế 760 m³/h; cột nước thiết 3,82 m;

+ Trạm bơm áp Xoài Thum: Diện tích phục vụ 100 ha; tổng chiều dài kênh dẫn 7,2 km; 01 máy bơm; lưu lượng bơm 0,12 m³/s; lưu lượng bơm thiết kế 700 m³/h; cột nước thiết 2,56 m;

+ Trạm bơm Quảng Âm - Xóm Tộ: Diện tích phục vụ 100 ha; tổng chiều dài kênh dẫn 7,2 km; 01 máy bơm; lưu lượng bơm 0,11 m³/s; lưu lượng bơm thiết kế 700 m³/h; cột nước thiết 2,53 m.

- Huyện Cầu Ngang:

+ Trạm trạm số 3: Diện tích phục vụ 200 ha; tổng chiều dài kênh dẫn 14,4 km; 02 máy bơm; lưu lượng bơm 0,24 m³/s; lưu lượng bơm thiết kế 1.400 m³/h; cột nước thiết 2,56 m;

+ Trạm trạm số 4: Diện tích phục vụ 200 ha; tổng chiều dài kênh dẫn 14,4 km; 02 máy bơm; lưu lượng bơm 0,24 m³/s; lưu lượng bơm thiết kế 1.400 m³/h; cột nước thiết 2,46 m.

- Huyện Duyên Hải:

+ Trạm bơm kênh Đường Trâu: Diện tích phục vụ 200 ha; tổng chiều dài kênh dẫn 14,4 km; 01 máy bơm; lưu lượng bơm 0,13 m³/s; lưu lượng bơm thiết kế 700 m³/h; cột nước thiết 2,65 m;

+ Trạm bơm kênh cấp II lớn T14: Diện tích phục vụ 150 ha; tổng chiều dài kênh dẫn 14,4 km; 01 máy bơm; lưu lượng bơm 0,16 m³/s; lưu lượng bơm thiết kế 700 m³/h; cột nước thiết 2,38 m.

- Huyện Cầu Kè: Trạm bơm áp Thông Thảo: Diện tích phục vụ 250 ha; tổng chiều dài kênh dẫn 14,4 km; 02 máy bơm; lưu lượng bơm 0,31 m³/s; lưu lượng bơm thiết kế 1400 m³/h; cột nước thiết 2,15 m. ✕

4. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư:

- Tổng mức đầu tư: 291,131 tỷ đồng (Hai trăm chín mươi một tỷ một trăm ba mươi một triệu đồng).
- Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư (đính kèm Phụ lục)

5. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện quy hoạch:

5.1. Giải pháp về vốn:

- Theo quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, để đảm bảo các mục tiêu phát triển thì cần phải xem xét các ưu tiên phát triển theo cơ chế đặc thù cho các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long theo Quyết định số 26/2008/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ;

- Huy động nhiều nguồn vốn bao gồm: Ngân sách, vốn để lại, các chương trình mục tiêu,...;

- Huy động tối đa các nguồn vốn từ ngân sách, khai thác các nguồn vốn từ Trung ương thông qua các chương trình phát triển và các cơ chế chính sách ưu đãi của Chính phủ đối với vùng nghèo, triển khai và thực hiện tốt các cơ chế, chính sách theo Quyết định số 26/2008/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ;

- Ngoài việc khai thác tối đa nguồn vốn từ ngân sách, cần khai thác các nguồn vốn hỗ trợ khác thông qua các chương trình như: Chương trình thích ứng với biến đổi khí hậu, dự án quản lý thủy lợi phục vụ phát triển nông thôn đồng bằng sông Cửu Long,...;

- Thực hành tiết kiệm có hiệu quả, ban hành chính sách đầu tư phát triển cho nông nghiệp nông thôn theo tinh thần Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 Ban Chấp hành Trung ương khoá X - hội nghị lần thứ 7 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và Nghị quyết 24/2008/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ.

5.2. Giải pháp về chính sách:

- Quy hoạch sau khi được phê duyệt phải phổ biến công khai đến các địa phương, các ngành, các tổ chức có liên quan, nhân dân biết và thực hiện;

- Có các chính sách ưu đãi về đầu tư để tạo điều kiện cho các cá nhân, tổ chức tham gia đầu tư vào dự án nhằm thực hiện các nội dung của Quyết định số 1446/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển trạm bơm điện quy mô vừa và nhỏ khu vực đồng bằng sông Cửu Long;

- Quy hoạch phải gắn với đầu tư, chọn đầu tư các dự án ưu tiên cho giảm thiểu tác động tiêu cực. Đầu tư phải đồng bộ, toàn diện, dứt điểm nhằm phát huy nhanh hiệu quả đầu tư.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Tổ chức công bố, phổ biến rộng rãi nội dung dự án Quy hoạch hệ thống các trạm bơm điện vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050, tạo điều kiện thuận lợi để công dân, doanh nghiệp, các nhà

đầu tư trong và ngoài nước dễ dàng tiếp cận nghiên cứu, khai thác.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong việc xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện dự án Quy hoạch hệ thống các trạm bơm điện vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050 theo thứ tự ưu tiên đầu tư;

- Theo dõi, giám sát, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh Quy hoạch khi không phù hợp.

2. Sở Kế hoạch Đầu tư và Sở Tài Chính:

Chủ động, phối hợp với các Sở, ngành tỉnh có liên quan xác định nhu cầu nguồn vốn hàng năm bố trí và cân đối vốn đầu tư theo phân cấp để thực hiện quy hoạch trên địa bàn theo quy định bảo đảm đạt hiệu quả tốt nhất.

3. Các Sở, Ban, ngành tỉnh có liên quan:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Sở, ngành phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tạo điều kiện thúc đẩy quá trình thực hiện dự án Quy hoạch hệ thống các trạm bơm điện vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050 đạt được hiệu quả.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

Chủ trì, phối hợp với chủ đầu tư trong việc lập kế hoạch và thực hiện hiện kế hoạch giải phóng mặt bằng để triển khai dự án.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Như điều 4;
- Chánh VP, PCVP. UBND tỉnh;
- Lê Hữu nghị;
- Phòng NC KTTH;
- Lưu: VT, KTKT. *2 bản*



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Phong



PHỤ LỤC

Danh mục các công trình dự án ưu tiên đầu tư
(Ban hành kèm theo Quyết định số 542/QĐ-UBND
ngày 23/4/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Tên công trình	Tổng mức đầu tư (Tỷ đồng)	Giai đoạn thực hiện	
			Đến 2020	2020 - 2050
I	Huyện Tiểu Cần			
1	Trạm bơm Trinh Phụ - Phú Tân	15,556	15.556	-
2	Trạm bơm Phú Tân	14,855	-	14.855
3	Trạm bơm Ô Đùng	15,907	15.907	-
II	Huyện Châu Thành			
1	Trạm bơm Triền 1	14,974	-	14.670
2	Trạm bơm Hương Phụ A	15,675	-	15.675
III	Huyện Trà Cú			
1	Trạm bơm áp Tha La, Giồng Cao	17,095	17.095	-
2	Trạm bơm áp Sa Dân A,B	13,421	13.421	-
3	Trạm bơm áp Giồng Tranh A	16,968	-	16.663
4	Trạm bơm áp Bến Nở - Chông Bát	18,230	-	18.230
5	Trạm bơm áp Đôn Chuộm - Chợ	16,827	16.827	-
6	Trạm bơm áp Cây Da - Trà Kha	10,290	-	10.290
7	Trạm bơm áp Xoài Thum	9,238	-	9.238
8	Trạm bơm Quảng Âm - Xóm Tộ	9,238	-	9.238
IV	Huyện Cầu Ngang			
1	Trạm trạm số 3	15,761	-	15.761
2	Trạm trạm số 4	15,761	-	15.761
V	Huyện Duyên Hải			
1	Trạm bơm kênh Đường Trâu	16,399	-	16.095
2	Trạm bơm kênh cấp II lớn T14	12,504	-	12.200
VI	Huyện Cầu Kè			
1	Trạm bơm áp Thông Thảo	19,832	-	19.528
2	Trạm bơm áp Rùm Sóc	24,426	24.122	-
Tổng cộng		291,131	102,929	188,202